

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/DS-ST

Ngày 02/10/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX – DS ngày 09 tháng 08 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 6/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Phố Phong Lạc, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1978.

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mầu Xuân N- Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Văn T, sinh năm 1973 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Ông N có mặt; Vợ chồng ông T, bà H vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Đức H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/4/2019 trong bản tự khai ngày 18/9/2019 và tại phiên tòa, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đại diện là ông Vũ Văn Q giám đốc và đại diện theo ủy quyền, ông Mậu Xuân N- Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình, trình bày: Ngày 10/10/2014 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N cho ông Phan Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng thuộc tổ tiết kiệm vay vốn ông Trần Đức H (nay thuộc tổ vay vốn bà Hoàng Thị T) ở thôn L, xã Q, huyện N thuộc Hội nông dân xã Q quản lý. Mục đích vay vốn là mua máy hàn xì vay sản xuất kinh doanh. Hạn trả nợ là ngày 10/10/2018. Từ ngày 10/10/2018 đến nay, mặc dù Tổ tiết kiệm vay vốn Hội nông dân xã Q và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đã nhiều lần đôn đốc trả nợ tuy nhiên ông Phan Văn T vẫn chưa thanh toán số tiền gốc quá hạn và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc hộ ông Phan Văn T phải trả toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền Lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N tạm tính đến ngày xét xử 02/10/2019 là 14.659.929 đồng (trong đó lãi trong hạn từ 10/10/2014 - 10/10/2019 là 11.259.096 đồng; lãi quá hạn từ 11/10/2019 đến 02/10/2019 là 3.400.833 đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm: *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015. Tuy nhiên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử không đưa ông Trần Đức H, sinh năm 1965 ở thôn L, xã Q, huyện N (nguyên Tổ trưởng tổ vay vốn) vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án là chưa đầy đủ.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71, và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không có mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện N có mặt, vợ chồng ông T, bà H vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn T và bà Vũ Thị H phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 02/10/2019 là: 44.659.929 đồng, trong đó tiền gốc là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 14.659.929 đồng. (Lãi trong hạn là 11.259.096 đồng; lãi quá hạn là 3.400.833 đồng). Vợ chồng ông T, bà H phải chịu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 3/10/2019 theo sổ vay vốn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T và bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 2.233.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự cần được xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị H đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tuy nhiên ông T bà H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 9 tháng 8 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về nội dung án:

Hội đồng xét xử xác định: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định:

Hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N ký kết ngày 10/10/2014 với vợ chồng ông Phan Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng thuộc tổ tiết kiệm vay vốn ông Trần Đức H (nay thuộc tổ vay vốn bà Hoàng Thị T) ở thôn L, xã Q, huyện N thuộc Hội nông dân xã Q quản lý. Mục đích vay vốn là mua máy hàn xì vay sản xuất kinh doanh. Hạn trả nợ là ngày 10/10/2018. Việc ký kết hợp đồng được thực hiện đúng quy định của pháp luật xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trên cơ sở nội dung vay và cho vay đã ký kết giữa hai bên trong Sổ vay vốn và sổ lưu từ rời đã ký kết giữa Ngân hàng và ông T phát sinh Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Ngân hàng đã thực hiện việc giao tài sản (tiền) đúng hạn và đầy đủ đúng số lượng tiền như đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng Từ ngày 10/10/2018 đến nay, mặc dù Tổ tiết kiệm vay vốn Hội nông dân xã Q và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng vợ chồng ông Phan Văn T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay chưa thanh toán số tiền gốc quá hạn và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Từ quy định của pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N là có căn cứ và đúng quy định tại các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận: Buộc vợ chồng ông Phan Văn T và bà Vũ Thị H phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 02/10/2019 là: 44.659.929 đồng, trong đó tiền gốc là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 14.659.929 đồng (trong đó. lãi trong hạn là 11.259.096 đồng; lãi quá hạn là 3.400.833 đồng), vợ chồng ông T, bà H phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 3/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí: Nguyên đơn là Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu án phí.

Vợ chồng ông T, bà H có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 2.233.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn T và bà Vũ Thị H phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 02/10/2019 là: 44.659.929 đồng, trong đó tiền gốc là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 14.659.929 đồng (trong đó. lãi trong hạn là 11.259.096 đồng; lãi quá hạn là 3.400.833 đồng), vợ chồng ông T, bà H phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà vợ chồng ông T, bà H phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng vợ chồng ông T, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T và bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 2.233.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn T, bà Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình,
- VKSND huyện N,
- THADS huyện N,
- UBND xã Q;
- Dương sự;
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Minh Lực

